

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2062 /QĐ-BCN ngày 09/8/2006 của Bộ Công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 6, khu 3, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, thăm dò, chế biến, kinh doanh than và các khoáng sản khác;
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng và san lấp mặt bằng;
- Chế tạo, sửa chữa, gia công các thiết bị mỏ, phương tiện vận tải, các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư kinh doanh các dự án điện;
- Quản lý, khai thác cảng và bến thủy nội địa;
- Vận tải đường bộ, đường thủy, đường sắt;
- Kinh doanh dịch vụ văn hoá thể thao và cho thuê quảng cáo;
- Kinh doanh du lịch, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, hàng hoá;
- Sản xuất kinh doanh nước lọc tinh khiết;
- Kinh doanh dịch vụ tin học.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20 tháng 12 năm 2006.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho của Công ty được xác định theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước; Thành phẩm và Sản phẩm dở dang cuối kỳ được xác định theo Chế độ kế toán áp dụng cho Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-23 năm
- Máy móc, thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Dụng cụ quản lý	03-07 năm

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị khoản bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Năm 2010 Công ty được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN, thuế suất thuế TNDN: 20% và được giảm 50% số thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hà Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

3. TIỀN

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1,898,998,000	614,121,000
Tiền gửi ngân hàng	15,000,589,247	92,985,487,688
Tương đương tiền	80,000,000,000	
Cộng	96,899,587,247	93,599,608,688

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
Phải thu người lao động		
Phải thu BHXH tiền lương ốm	382,864,534	277,511,625
Phải thu Tập đoàn tiền quỹ đổi mới cơ cấu chất lượng lao động năm 2009	680,511,495	2,832,147,913
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền bồi thường	176,056,467	376,452,009
Phải thu khác	274,142,065	488,503,352
Cộng	1,513,574,561	3,974,614,899

6. HÀNG TỒN KHO

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu	16 387 169 931	15,886,185,983
Công cụ, dụng cụ	568 769 755	359,005,803
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21 079 892 014	46,305,053,919
Thành phẩm	48 736 066 788	30,028,042,142
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(1,311,897,232)	-
Cộng	85,460,001,256	92,578,287,847

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	83,305,433,767	226,002,619,507	746,153,839,666	8,037,286,689	2,555,945,753	1,066,055,125,382
Số tăng trong năm	7,562,186,183	33,291,174,476	16,187,024,946	265,613,432	32,521,952	57,338,520,989
- Mua trong năm		1,437,440,912	1,477,584,209	111,615,338	32,521,952	3,059,162,411
- Đầu tư XD CB hoàn thành	7,562,186,183	17,570,312,896	14,709,440,737			39,841,939,816
- Tăng khác		14,283,420,668		153,998,094		14,437,418,762
Số giảm trong năm	575,364,055	16,517,511,717	19,497,050,678	193,942,461		36,783,868,911
- Thanh lý, nhượng bán	575,364,055	16,517,511,717	5,059,631,916	193,942,461		22,346,450,149
- Giảm khác			14,437,418,762			14,437,418,762
Số dư cuối năm	90,292,255,895	242,776,282,266	742,843,813,934	8,108,957,660	2,588,467,705	1,086,609,777,460
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48,846,695,892	171,661,643,308	394,797,770,473	7,475,271,821	1,972,600,670	624,753,982,164
Số tăng trong năm	8,867,778,920	38,132,535,855	102,168,711,237	497,423,691	288,435,275	149,954,884,978
- Khấu hao trong năm	8,437,861,393	28,094,767,533	102,168,711,237	497,423,691	288,435,275	139,487,199,129
- Hao mòn trong năm	429 917 527	151 359 000				581,276,527
- Tăng khác		9 886 409 322				9 886 409 322
Số giảm trong năm	496 060 178	9 697 825 635	14 946 041 237	159 759 115		25 299 686 165
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	496 060 178	9 697 825 635	5 059 631 915	159 759 115		15 413 276 843
- Giảm khác			9 886 409 322			9 886 409 322
Số dư cuối năm	57,218,414,634	200,096,353,528	482,020,440,473	7,812,936,397	2,261,035,945	749,409,180,977
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	34,458,737,875	54,340,976,199	351,356,069,193	562,014,868	583,345,083	441,301,143,218
Tại ngày cuối năm	33,073,841,261	42,679,928,738	260,823,373,461	296,021,263	327,431,760	337,200,596,483

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Bóc đất XDCB	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	412 601 645	15 000 000		427 601 645
Số tăng trong năm			220 000 000	220 000 000
- Mua trong năm			220 000 000	220 000 000
- Tạo ra từ nội bộ DN				
- Tăng do hợp nhất KD				
- Tăng khác				
Số giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	412 601 645	15 000 000	220 000 000	647 601 645
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	412 601 645	10 881 720		423 483 365
Số tăng trong năm		4 118 280	2 602 151	6 720 431
- Khấu hao trong năm		4 118 280	2 602 151	6 720 431
- Tăng khác				
Số giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	412 601 645	15 000 000	2 602 151	430 203 796
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm		4 118 280		4 118 280
Tại ngày cuối năm			217 397 849	217 397 849

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Tổng số	21,734,934,294	31,343,108,732
Trong đó các công trình lớn :		
Dự án: Xây dựng tuyến đường vận tải than ra cụm cảng Làng Khánh	20,693,563,305	20,656,455,285
Dự án: Đầu tư hệ thống tuyển than	-	9,952,516,282
Dự án: Đầu tư duy trì thiết bị vận tải	17,524,978	
Công trình tuyến đường ô tô từ mỏ than Hà Tu ra nhà máy nhiệt điện	360,636,364	
Đầu tư công bản qua ống thải xỉ	663,209,647	576,597,825
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	-	157,539,340

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con		
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Đầu tư dài hạn khác	5,500,000,000	6,360,000,000
Cộng	5,500,000,000	6,360,000,000

Đầu tư dài hạn khác	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác: Góp vốn	5,500,000,000	6,360,000,000
- Công ty Cổ phần Alumin Nhân Cơ - TKV		1,200,000,000
- Công ty Cổ phần Crômít Cổ Định - Thanh Hoá	4,500,000,000	3,860,000,000
- Công ty Cổ phần Bông Đá - TKV		300,000,000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn Gai - TKV	1,000,000,000	1,000,000,000
Cộng	5,500,000,000	6,360,000,000

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	23,091,439,517	17,938,614,292
Cộng	23,091,439,517	17,938,614,292

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11,266,310,353	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,513,896,936	6,365,846,089
Thuế thu nhập cá nhân	515,229,600	8,571,788
Thuế tài nguyên	30,763,680,189	11,843,148,455
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1,318,328,000	907,374,000
Cộng	47,377,445,078	19,124,940,332

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hiểm máy móc thiết bị	42,684,258	
Phải trả khác (chi phí nước thải môi trường)	75,274,629	50,407,867
Cộng	117,958,887	50,407,867

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1,335,561,426	192,384,167
Bảo hiểm xã hội; BH y tế	-	69,496,547
Kinh phí đảng	151,530,765	115,368,291
Phải trả cổ tức	9,336,087,900	7,015,467,000
Lãi vay phải trả Tập đoàn	1,819,591,761	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	395,252,723	6,053,271,235
Cộng	13,038,024,575	13,445,987,240

22. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	139,784,726,033	279,181,525,463
- Vay ngân hàng	103,260,485,433	130,341,846,987
- Vay đối tượng khác	36,524,240,600	148,839,678,476
Cộng	139,784,726,033	279,181,525,463

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Số hợp đồng vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức đảm bảo
I Ngân hàng Cổ phần Công Thương Quảng Ninh				118,356	
1 25/HĐTD ngày 29/09/2005	14% năm	97 tháng	17,350	5,690	Tài sản
2 02/2008/HĐTD ngày	14% năm	62 tháng	3,341	1,671	Tài sản
3 02/2008/HĐTD ngày	14% năm	84 tháng	65,000	43,400	Tài sản
4 09/HĐTD ngày 02/01/2009	14% năm	72 tháng	98,031	67,595	Tài sản
II Ngân hàng TMCP Quân đội				4,400	
1 165 ngày 30/08/08	14% năm	72 tháng	9,600	4,400	Tài sản
III Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội				2,840	
1 01/2008 HĐTD/SHB.QN	14,5% năm	84 tháng	5,000	2,840	Tài sản
V Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam				32,160	
	Libor				
01/VINACOMIN-	3tháng				
Hatu/HSBC/2007 ngày	+1,38%				
1 10/05/07	năm	84 tháng	65,760	31,314	Không
2 25/HĐ/QMTTVN-	0% năm	60 tháng	2,393	121	Không
01/HĐ/QMTTVN-	0% năm	60 tháng	5,990	725	Không
VI Công ty TNHH 1TV Tài chính - TKV				5,120	
75 ngày 14/11/07	14% năm	84 tháng	12,000	5,120	Không
Tổng cộng				162,876	

(*) Tổng số dư nợ vay đến 31/12/2010 **162,876**
 Trong đó:
 - Vay dài hạn 139,785
 - Nợ đến hạn trả 23,091

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước	91,000,000,000	63,777,872,478	32,602,660,021				187,380,532,499
Tăng vốn trong kỳ							
Lãi trong kỳ		2,399,829,584	23,007,043,788	2,399,829,584		53,715,782,708	81,522,485,664
Tăng khác		25,275,912,843					25,275,912,843
Giảm vốn trong kỳ							
Lỗ trong kỳ							
Giảm khác			25,275,912,843			53,715,782,708	78,991,695,551
Số dư cuối kỳ	91,000,000,000	91,453,614,905	30,333,790,966	2,399,829,584			215,187,235,455

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	12/31/2010	1/1/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	46,410,000,000	46,410,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	44,590,000,000	44,590,000,000
Cộng	91,000,000,000	91,000,000,000

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9,100,000	9,100,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9,100,000	9,100,000
- Cổ phiếu phổ thông	9,100,000	9,100,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,100,000	9,100,000
- Cổ phiếu phổ thông	9,100,000	9,100,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

d) Các quỹ của công ty

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	30,333,790,966	32,602,660,021
- Quỹ dự phòng tài chính	2,399,829,584	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1,663,095,765,121	1,559,447,569,161
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Cộng	1,663,095,765,121	1,559,447,569,161

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,409,334,391,721	1,358,251,233,243
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,311,897,232	
Cộng	1,410,646,288,953	1,358,251,233,243

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,488,111,972	2,261,945,872
Cổ tức, lợi nhuận được chia	110,000,000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	363,172,197	
Cộng	2,961,284,169	2,261,945,872

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	26,957,266,038	32,096,490,731
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8 012 840 760	2,597,339,190
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4,849,543,708
Cộng	34 970 106 798	39,543,373,629

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (Thuế suất thuế TNDN : 20%*50%)	6 884 716 760	8,670,532,240
Cộng	6 884 716 760	8,670,532,240

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin là Doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang Công ty Cổ phần từ 01/01/2007 do đó đơn vị được ưu đãi miễn giảm thuế TNDN. Năm 2010 Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% và miễn giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hà Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	53,715,782,708	53,295,680,379
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	53,715,782,708	53,295,680,379
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9,100,000	9,100,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,903	5,857

37. CÁC THÔNG TIN KHÁC

37.1 Thông tin về các bên liên quan

Báo cáo than bán nội bộ Tập đoàn TKV năm 2010

Tên đơn vị	Số lượng (Tấn)	Giá trị (đồng)
- Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	450,076	373,525,893,375
+ Than Nguyên khai	450,076	373,525,893,375
- Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	1,333,034	1,236,405,411,820
+ Than sạch	1,333,034	1,236,405,411,820
- Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai	13,875	8,400,485,904
+ Than sạch	13,875	8,400,485,904

Báo cáo các khoản phải thu, phải trả nội bộ Tập đoàn

TK331: Phải trả cho người bán

	Dư Nợ	Dư Có
		38,401,627,712
1 Công ty TNHH ITV CN Mỏ Việt Bắc - TKV		97,800,000
2 Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh		1,480,216,285
3 Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV		544,745,525
4 Công ty TNHH ITV Môi trường - TKV		13,065,890,503
5 Công ty CP Công nghiệp ô tô TKV		109,620,000
6 Công ty TNHH ITV VTVT và xếp dỡ - Vinacomin		16,788,654,883
7 Trường Cao đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm - TKV		45,199,000
8 Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - TKV		845,750,250
9 Công ty CP Du lịch và Thương mại - TKV		1,090,041,900
10 Công ty CP Tin học, CN, MT - TKV		374,868,059
11 Công ty CP tư vấn Đầu tư mỏ & CN - TKV		482,496,370
12 Công ty CP Giám định - TKV		330,820,105
13 Công ty CP Cảng Cửa Suốt		1,171,817,831
14 Công ty CP Cơ khí Hòn Gia		508,129,330
15 Công ty CP Thiết bị điện - TKV		576,469,201
16 Công ty Cơ khí ô tô Uông Bí - TKV		269,200,000
17 Công ty Địa chất mỏ - TKV		226,500,424
18 Viện Khoa học Công nghệ mỏ - TKV		379,603,046
19 Viện Cơ khí năng lượng mỏ - TKV		13,805,000

TK131: Phải thu của khách hàng

	Dư Nợ	Dư Có
	130,655,185,760	-
1 Công ty Tuyển Than Hòn Gai	16,138,372,590	
2 Công ty Than Hà Lâm	361,588,304	
3 Công ty Than Hòn Gai	1,073,670,669	
4 Công ty TNHH MTV ĐTPT nhà và hạ tầng	237,038,463	

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hà Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

5	Công ty Kho vận Hòn Gai - TKV	112,844,515,734	
	<u>TK336: Phải trả nội bộ</u>		49,039,205,779
1	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam		49,039,205,779
	<u>TK228: Đầu tư dài hạn khác</u>	5,500,000,000	
1	Công ty Cổ phần Crômit Cổ Định - Thanh Hoá	4,500,000,000	
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn Gai - TKV	1,000,000,000	
	<u>TK341; 315: Vay dài hạn, nợ đến hạn</u>		37,280,530,117
1	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam		32,160,530,117
2	Cty MTV tài chính TVN		5,120,000,000
	<u>TK338: Nợ ngắn hạn</u>		1,819,591,761
1	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam		1,819,591,761

37.2 Báo cáo bộ phận

1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (báo cáo chính yếu)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh than, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng doanh thu cũng như tổng tài sản và nợ phải trả của Công ty phát sinh chủ yếu tại Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13,445,987,240	13,951,834,240
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339	505,847,000	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		23,496,452,762
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		454,750,000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	23,951,202,762	

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Hà Thị Diệp Anh

Lê Cẩm Thanh

Hoàng Minh Hiếu